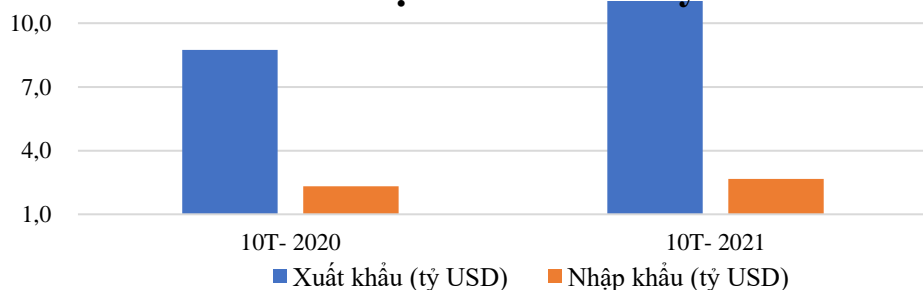


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



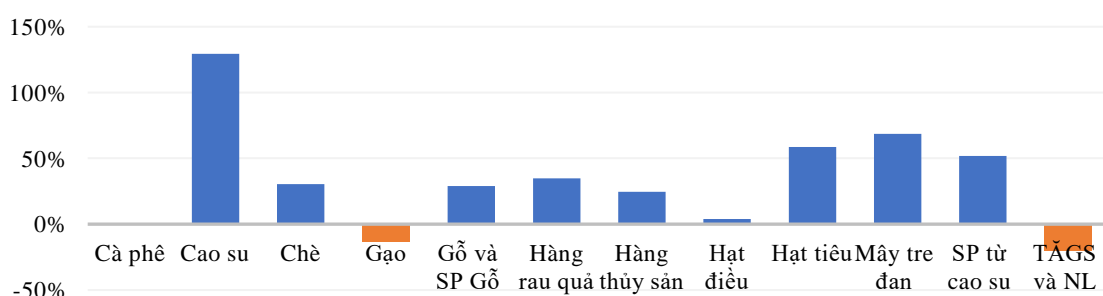
Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (10T – 2021/2020)

- Xuất khẩu ▲ 26,7%
- Nhập Khẩu ▲ 15,3%

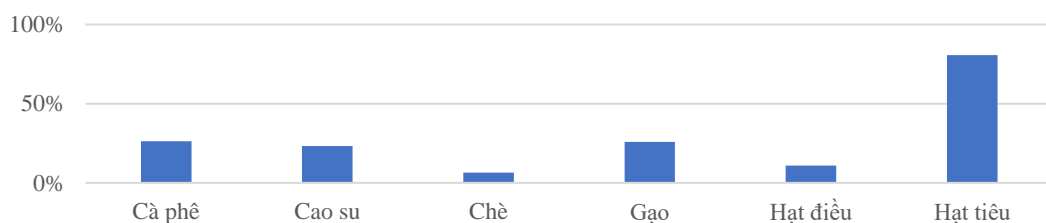
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 10T-2021



So sánh 10T- 2021/2020

- Cà phê ▼ 0,4%
- Cao su ▲ 129,4%
- Chè ▲ 30,4%
- Gạo ▼ 13,4%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 29,0%
- Rau quả ▲ 34,8%
- Thủy sản ▲ 24,5%
- Hạt điều ▲ 4,0%
- Hạt tiêu ▲ 58,6%
- Mây tre đan ▲ 68,5%
- SP từ cao su ▲ 51,7%
- TĂGS và NL ▼ 19,8%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 10/2021



So sánh giá xuất khẩu bình quân T10-2021/2020

- Hạt tiêu ▲ 80,6%
- Cà phê ▲ 26,4%
- Gạo ▲ 25,8%
- Cao su ▲ 23,2%
- Hạt điều ▲ 10,9%
- Chè ▲ 6,5%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tính đến tháng 10/2021, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) lớn nhất của Việt Nam, chiếm 27,4% tổng xuất khẩu NLTS. Trong mối quan hệ thương mại giữa hai nước về mặt hàng NLTS, Việt Nam luôn là nước xuất siêu. Trong 10 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt gần 10,8 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2020, trong khi nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này chỉ ở mức 3,1 tỷ USD, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 10/2021 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 64,9%), thủy sản (15,1%), hạt điều (8%). So với tháng 9/2021, một số mặt hàng NLTS đã Việt Nam đã xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều có kim ngạch tăng như: cao su tăng 129,4%; mây tre đan tăng 68,5%; hạt tiêu tăng 58,6%. Một số mặt hàng có xu hướng giảm như: gạo giảm 13,4%; Thức ăn chăn nuôi giảm 19,8%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Theo Tổ chức cà phê thế giới (ICO), tiêu thụ của khu vực Bắc Mỹ niên vụ 2020/2021 ước tính đạt 31,76 triệu bao, tăng 3,7% so với niên vụ 2019/2020. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dự báo, trong các tháng tới xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng. Nhu cầu tiêu thụ toàn cầu tăng, trong khi Việt Nam bước vào vụ thu hoạch cà phê niên vụ 2021/2022. Bên cạnh đó, các biện pháp giãn cách xã hội đang dần được nới lỏng, tạo thuận lợi cho việc thu hoạch và vận chuyển các mặt hàng, trong đó có cà phê.

Cục Xúc tiến Thương mại, Bộ Công Thương cho biết giá trị doanh thu bán lẻ của các ngành nông lâm thủy sản tại Hoa Kỳ đang tăng mạnh, cho thấy nhóm ngành này hồi phục nhanh chóng, thậm chí vượt qua cả thời điểm trước đại dịch. Về dài hạn, nhu cầu nhóm nông sản, thực phẩm của Hoa Kỳ tiếp tục tăng, cơ cấu không thay đổi nhưng khối lượng dự báo sẽ tăng đáng kể trong giai đoạn 2021-2025. Nhóm hàng đồ gỗ nội thất của Việt Nam vẫn giữ vững vị thế tại thị trường Hoa Kỳ. Vì thế, triển vọng cho mặt hàng này trong giai đoạn cuối năm là rất khả quan, do nhu cầu mua sắm cho dịp nghỉ lễ. Ngoài ra, trong bối cảnh người dân quen dần với việc làm việc tại nhà, nhu cầu mua sắm đồ nội thất phục vụ sinh hoạt cũng giúp kích cầu mặt hàng này.

Những tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng nặng nề từ làn sóng Covid-19 khiến hoạt động xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam gặp khó khăn. Bên cạnh đó, giá xuất khẩu của Việt Nam tăng nhanh và mạnh khiến một số nước có xu hướng chuyển sang nhập khẩu hạt tiêu từ Bra-xin. Do đó, tốc độ nhập khẩu hạt tiêu của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng chung.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1,7 nghìn tấn gạo, trị giá 1,5 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 69,2% về khối lượng và 87,3% về giá trị so với tháng trước; và tăng 5,7% về khối lượng và 33,0% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 10 tháng đầu năm 2021 đạt 12,8 nghìn tấn, trị giá 9,8 triệu USD, giảm 22,0% về khối lượng và 13,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

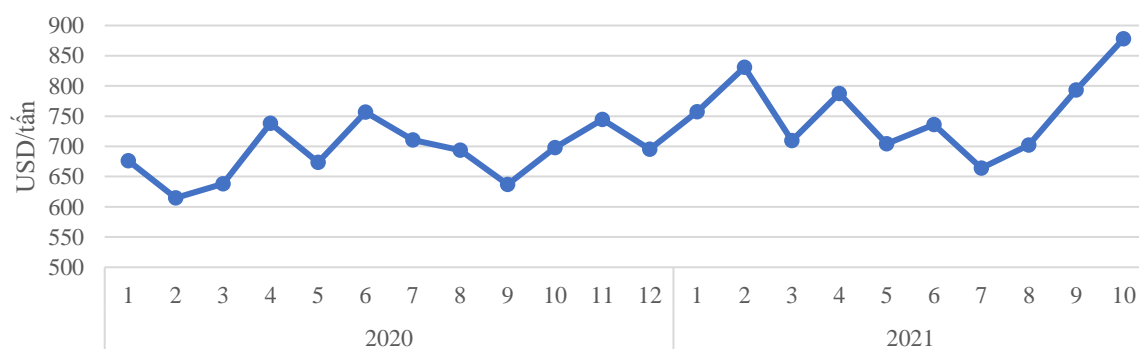
Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10/2021 đạt 878,1 USD/tấn, tăng 10,7% so với tháng trước và 25,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

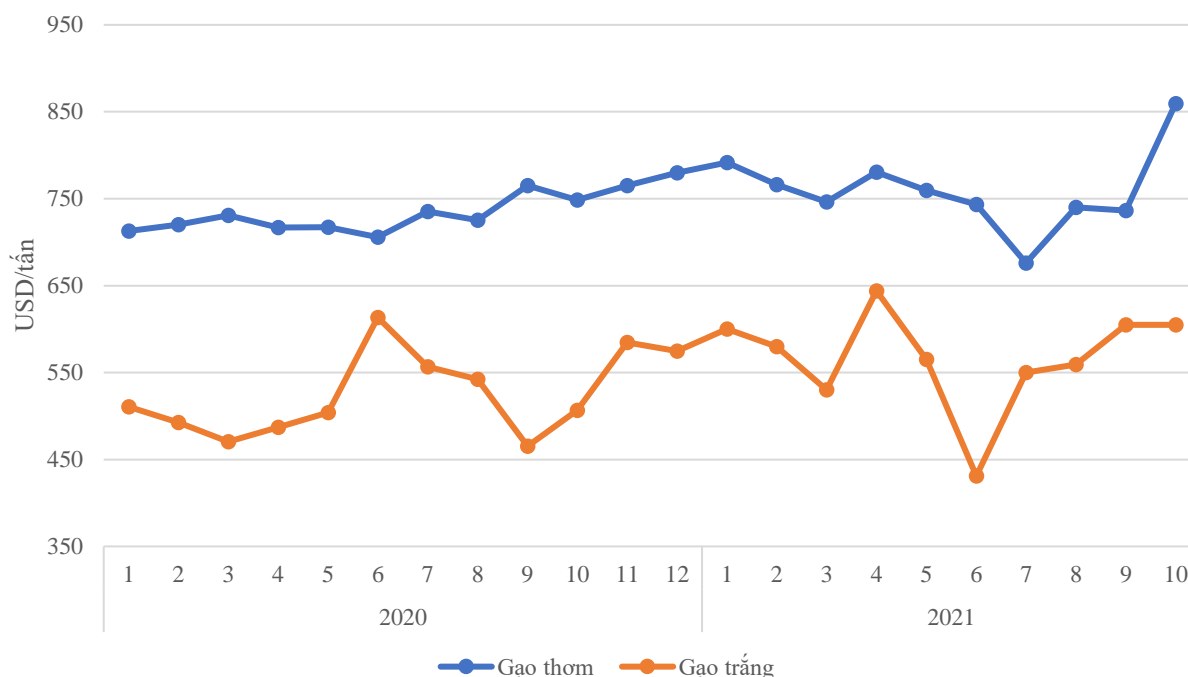


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,4 nghìn tấn, trị giá 1,3 triệu USD (chiếm 82,8% về khối lượng và 86,1% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 54,0% về khối lượng và 79,6% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 10/2021 đạt trung bình 859,4 USD/tấn, tăng 16,7% so với tháng trước và 14,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 605,0 USD/tấn, tương đương so với tháng trước và tăng 19,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3. Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

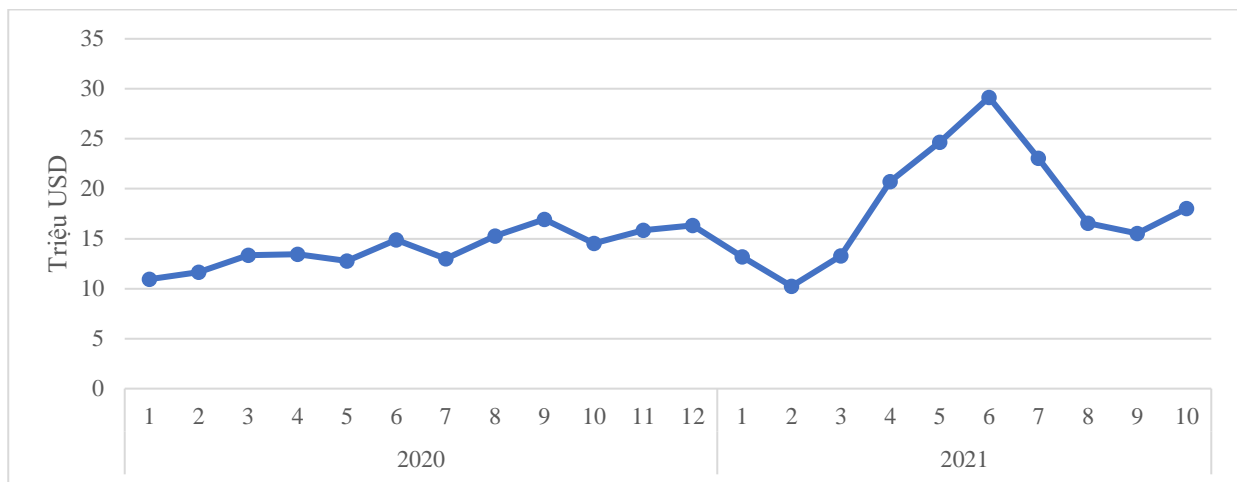
Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

2. RAU QUẢ

Hoa Kỳ đã ban hành lệnh cấm nhập khoai tây tươi từ Canada sau khi phát hiện sản phẩm bị nhiễm căn bệnh “khoai tây ung thư” hay còn gọi là mụn cơm trên củ khoai tây ở hai cánh đồng khoai tây thuộc tỉnh Prince Edward Island (PEI) của Canada vào tháng 10. Hoa Kỳ liệt kê bệnh này là mối đe dọa nghiêm trọng đối với nền nông nghiệp do bệnh này làm biến dạng củ khoai tây và giảm năng suất cây trồng.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10 năm 2021 đạt 18,0 triệu USD, chiếm 7,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 16,0% so với tháng trước và tăng 23,9% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 10 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 184,3 triệu USD, chiếm 6,2% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 34,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

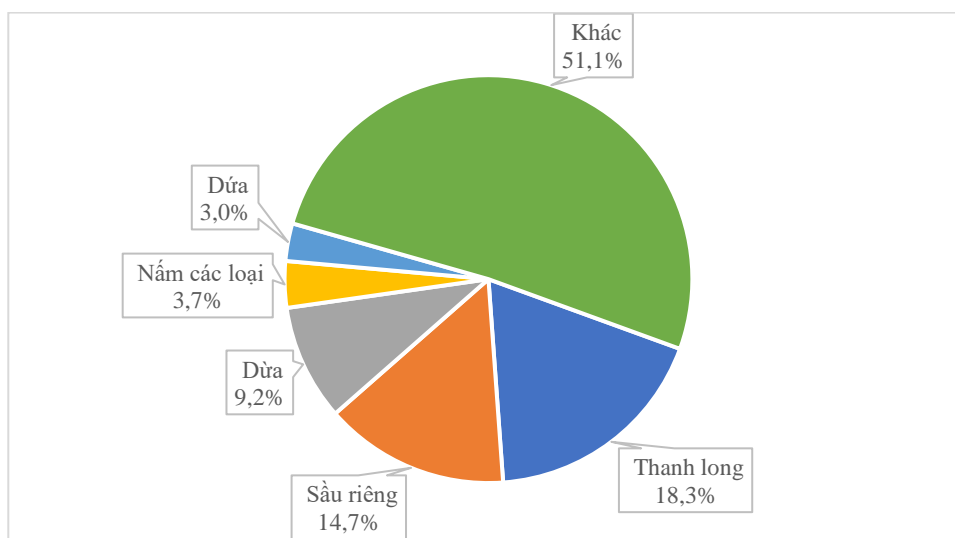


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 10 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 8,2 triệu USD (chiếm 45,5% thị phần, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 9,8 triệu USD (chiếm 54,5% thị phần), tăng 77,9%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 3,4 triệu USD (tăng 234,4% so với cùng kỳ năm trước); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 2,4 triệu USD (giảm 0,3%); (iii) trái cây ngâm, cô đặc, mút dẻo (mã HS.2007) đạt 1,5 triệu USD (tăng 136,8%); (iv) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,2 triệu USD (tăng 114,6%); v.v.

Trong tháng 10 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: thanh long đạt 2,7 triệu USD (chiếm 14,9% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 13,0% so với cùng kỳ năm 2020; sầu riêng đạt 2,6 triệu USD (chiếm 14,2%), tăng 160,9%; dứa đạt 2,1 triệu USD (chiếm 11,6%), tăng 80,0%; nâm các loại đạt 1,2 triệu USD (chiếm 6,5%), tăng 106,0%; dứa đạt 1,0 triệu USD (chiếm 5,8%), tăng 184,1%; v.v.

Hình 5. Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10 năm 2021



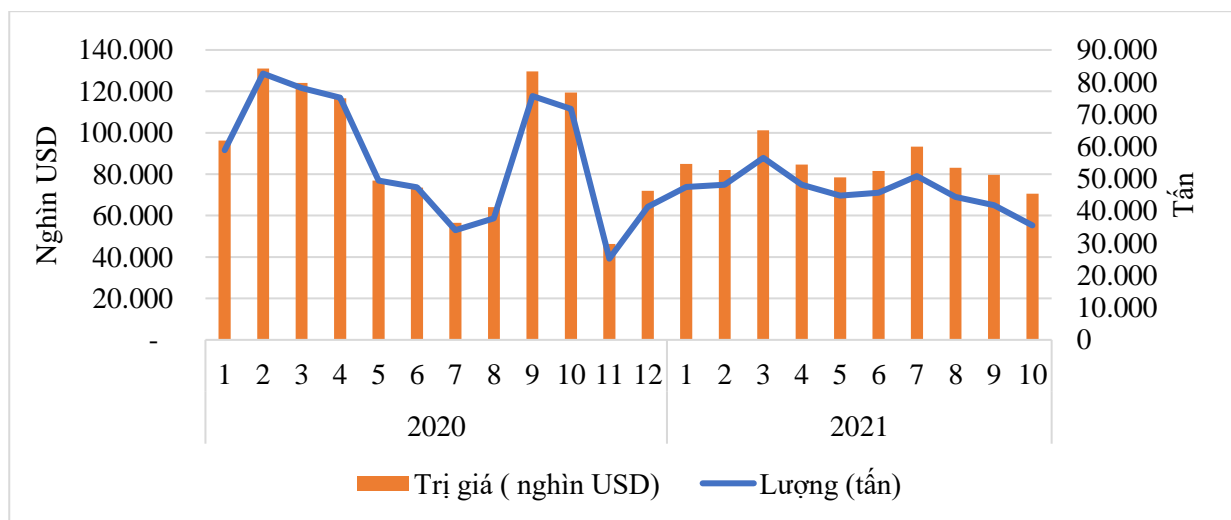
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 10 năm 2021 đạt 23,2 triệu USD, chiếm 18,2% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 10 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 246,6 triệu USD (chiếm 14,4%), tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 10/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: nho đạt 7,7 triệu USD, chiếm 33,4% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm 2020; hạt dẻ đạt 6,9 triệu USD (chiếm 29,8%), tăng 237,5%; hạnh nhân đạt 4,0 triệu USD (chiếm 17,4%), tăng 27,8%; táo đạt 1,6 triệu USD (chiếm 7,1%), giảm 53,6%; khoai tây đạt 1,2 triệu USD (chiếm 5,0%), giảm 53,0%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Hiệp hội Cà phê Xanh của Hoa Kỳ báo cáo các kho dự trữ tại cảng của nước này đã giảm 46.816 bao, tương đương 0,78% trong tháng 10, đạt 5.976.107 bao vào cuối tháng. Trong tổng số này, 71.602 bao đã được đăng ký tại các kho dự trữ cà phê được Chứng nhận của Hoa Kỳ tại thời điểm báo cáo. Với mức tiêu thụ hàng tuần ước tính của Hoa Kỳ và Canada được hỗ trợ bởi các kho dự trữ này là khoảng 595.000 bao mỗi tuần, có thể sẽ được bảo tồn ít nhất 1,2 triệu bao. Đây là tháng thứ hai liên tiếp mức dự trữ cà phê xanh của Mỹ giảm. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 10/2021 đạt 11.399 tấn, trị giá 26,38 triệu USD, giảm 8% về khối lượng và giảm 2% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu cà phê giảm 37% về khối lượng và giảm 20% về giá trị. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2021 đạt 107.893 tấn, trị giá 214,85 triệu USD, tăng 31,12% về lượng và tăng 17,13% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

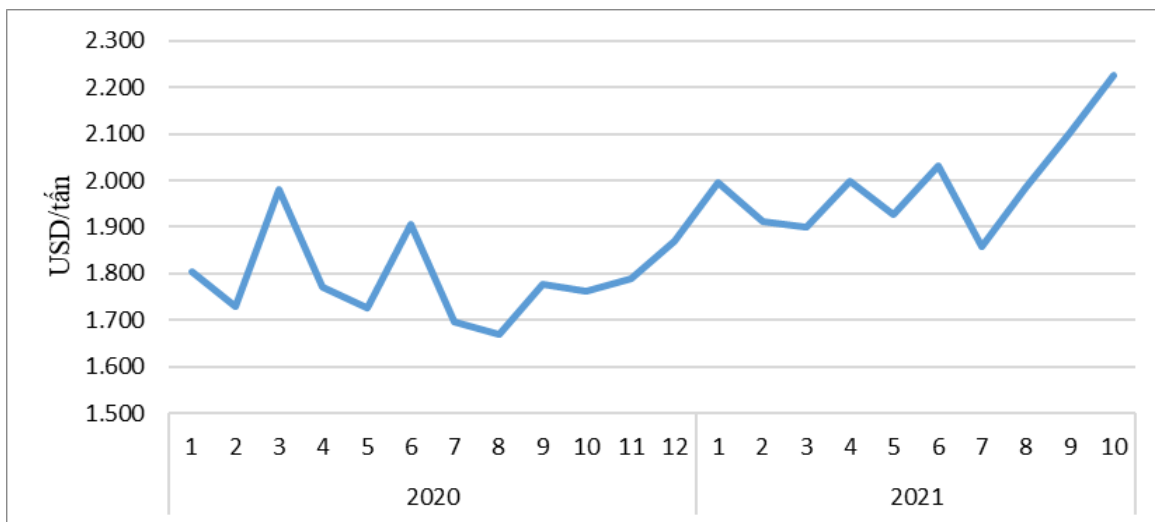
Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt trung bình 2.226 USD/tấn, tăng 5,9% so với tháng trước, đồng thời tăng 26,37% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

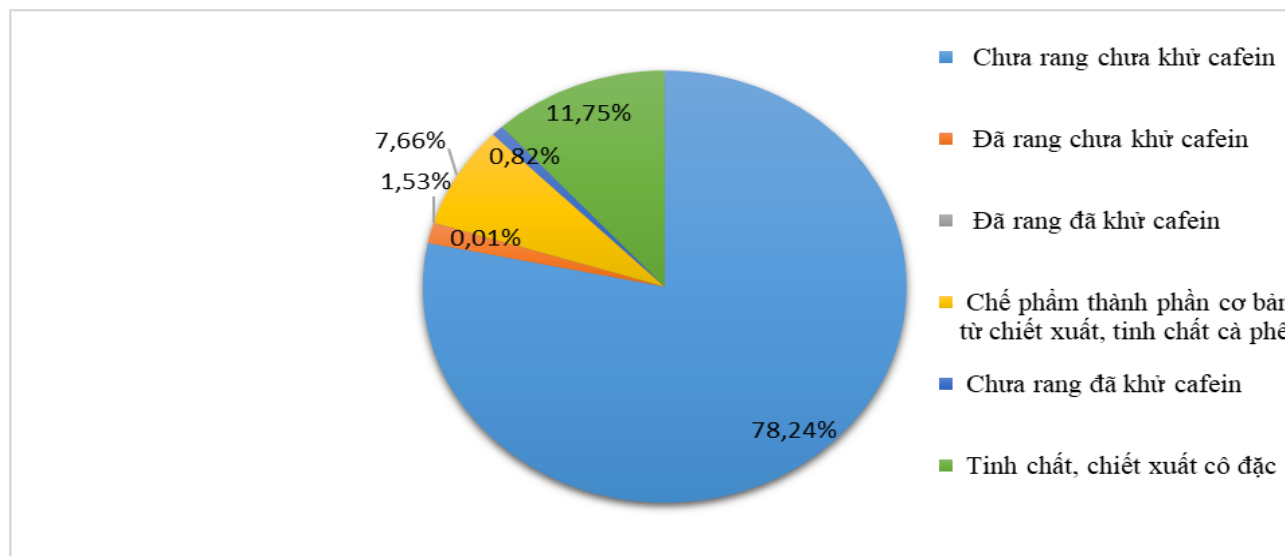


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm tháng 10/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 80,59%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 19,41%, tăng tuyệt đối 9% so với cùng kỳ năm 2012 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 19,85 triệu USD, chiếm tỷ trọng cao nhất là 78,24%, giảm 17,52% so cùng kỳ. Tiếp đến là tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 2,98 triệu USD, chiếm 11,75%, tăng 101% so cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 1,9 triệu USD, chiếm 7,66%, tăng 5,69% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 387 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 1,53%, giảm 66,3% so với cùng kỳ.

Hình 8. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 9/2021

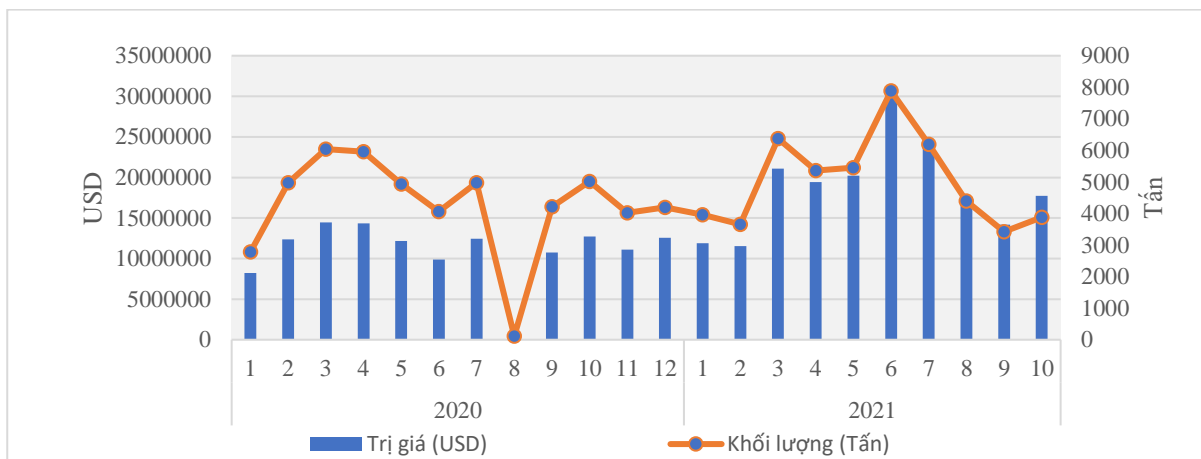


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 10/2021 đạt 3.879 tấn, tương ứng với 17,7 triệu USD, tăng 13,29% về khối lượng và 25,02% về giá trị so với tháng 9/2021. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này giảm 22,74% về khối lượng nhưng tăng 39,48% về giá trị.

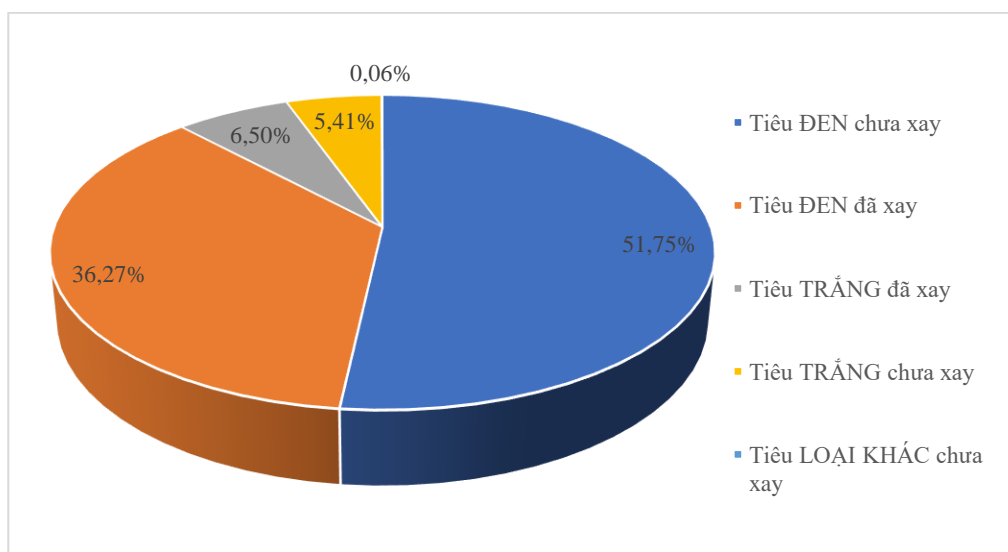
Hình 9. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 74,03% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, giảm 13,54% so với tháng trước đó và tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 11,25%, tăng 7,71% so với tháng trước và giảm 7,55% so với cùng kỳ năm trước.

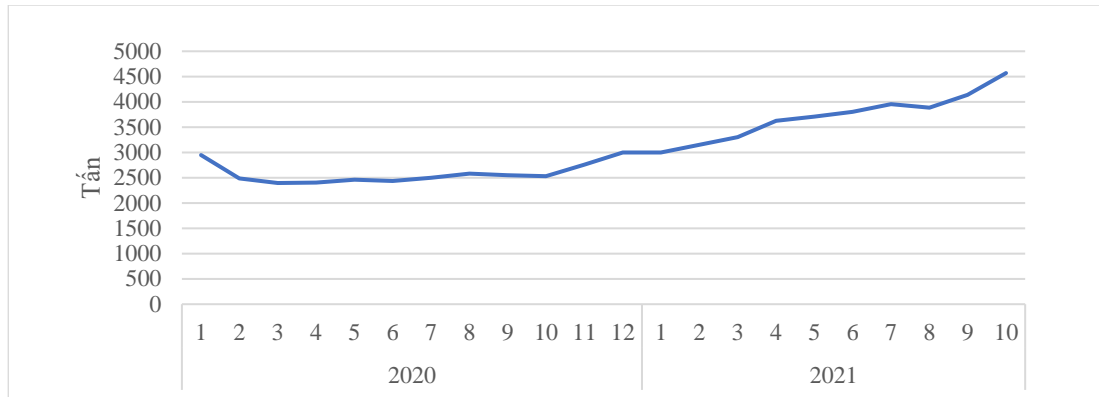
Hình 10. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 10/2021 đạt 4.569 USD/tấn tăng 10,4% so với tháng trước và 80,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

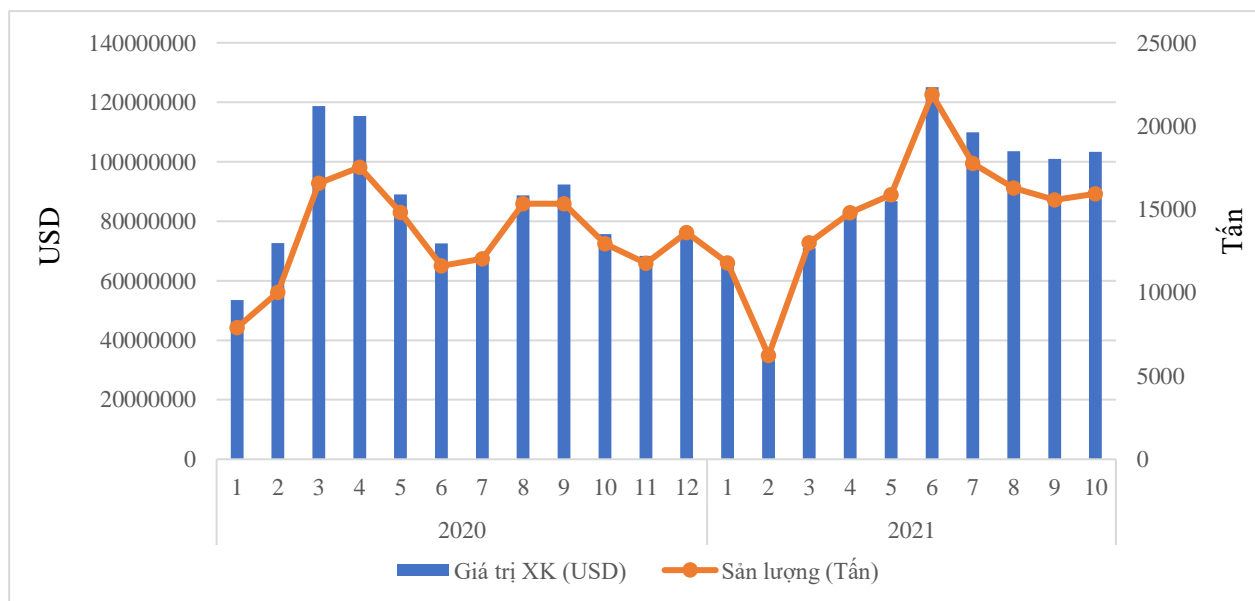


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 15,9 nghìn tấn, trị giá 103,4 triệu USD, 23% về khối lượng và 36,5% về giá trị so với tháng cùng kỳ năm trước. Sau 4 tháng suy giảm liên tục, giá điều xuất khẩu sang thị trường này đã phục hồi nhẹ, tăng 2,3% cả về khối lượng và giá trị so với tháng trước. Tính hết 10 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 881,5 triệu USD, tương ứng với 149,1 nghìn tấn, tăng 4% về giá trị và 11,2% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

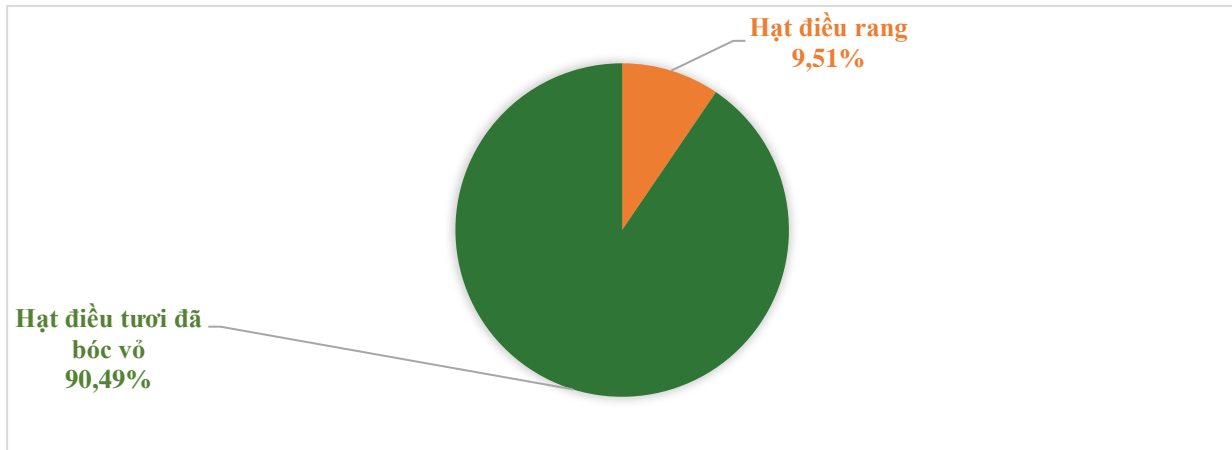
Hình 12. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 90,49%, đạt 58 triệu USD, giảm 38,5% so với cùng kỳ năm trước và giảm 21,1% so với tháng trước; hạt điều rang đạt 6,1 triệu USD chiếm 9,5%, tăng 216,8% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 9,1% so với tháng 9/2021.

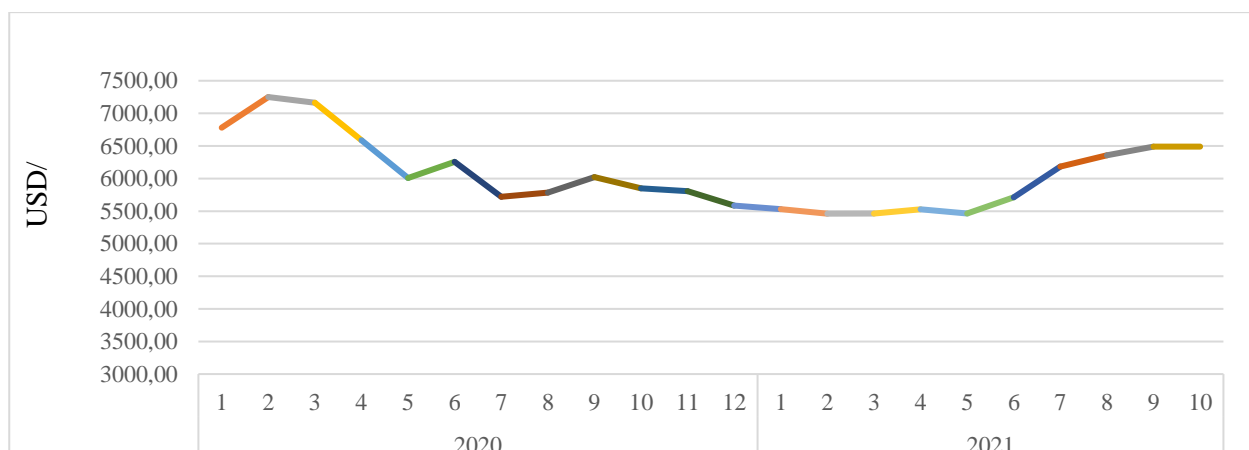
Hình 13. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tiếp tục giữ được đà tăng trưởng kể từ tháng 5/2021. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 9/2021 đạt 6,5 nghìn USD/tấn, tăng 2,1 % so với tháng trước và 17,6 % so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 6,5USD/kg, tăng 1,5% so với tháng trước và 6,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



6. THỦY SẢN

Nguồn: Tổng cục Hải quan

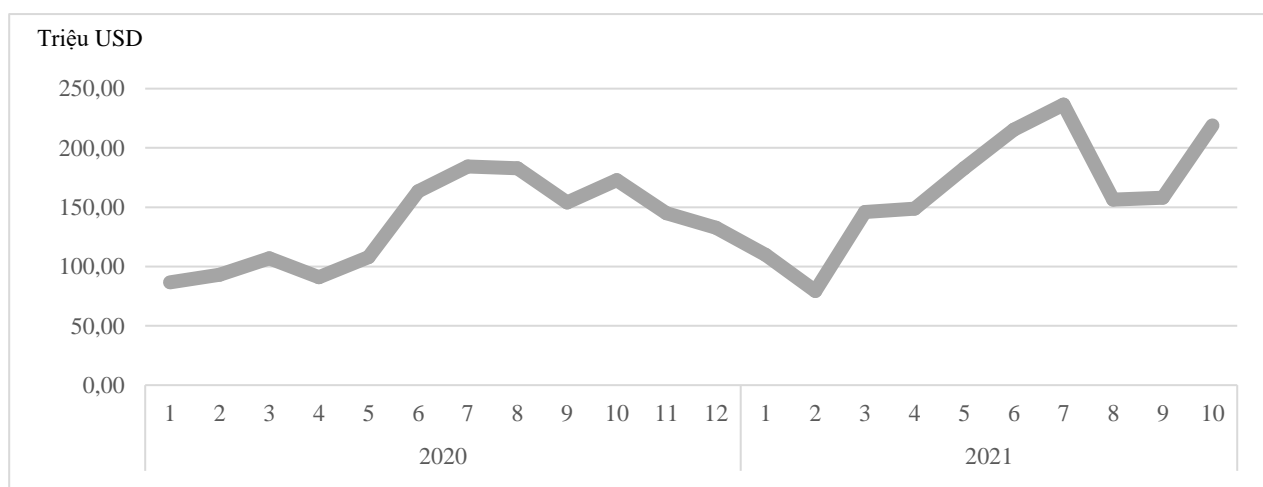
Dịch Covid-19 tiếp tục tác động đến doanh thu tiêu thụ thủy sản của Hoa Kỳ. Kết quả các cuộc khảo sát người mua sắm của nước này cho thấy, các bữa ăn tự chế biến ở nhà chiếm 88,1% tổng doanh số bán lẻ thủy sản vào tháng 4/2020, khi dịch Covid-19 bắt đầu

bùng phát, giảm dần xuống 80,7% trong 12 tháng sau đó và xuống thấp nhất ở mức 76,6% vào tháng 7/2021 khi các nhà hàng được mở cửa trở lại. Tuy nhiên, virus Corona tiếp tục lây lan khiến tỷ lệ này đã tăng trở lại lần lượt lên 79,9% và 79,5% vào tháng 8 và tháng 9 năm 2021. Hầu hết doanh số bán hàng của siêu thị tính đến tháng 9/2021 vẫn cao hơn mức năm 2019, nhưng nhìn chung không bằng mức năm 2020, khi doanh số tăng vọt do đại dịch buộc người tiêu dùng phải nấu ăn tại nhà nhiều hơn.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, tiêu thụ thủy sản đông lạnh của Hoa Kỳ đạt 806 triệu pound (tương đương 365,6 nghìn tấn), trị giá 5,5 tỷ USD, tăng 2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 41,5% so với cùng kỳ năm 2019, nhưng khối lượng thấp hơn 2,4% so với cùng kỳ năm 2020 và cao hơn 30,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, doanh thu tiêu thụ cá ngừ bảo quản, đóng hộp hoặc túi kín khí đạt khoảng 1,4 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2021, giảm 15,8% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng tăng 18,9% so với cùng kỳ năm 2019. Doanh thu cá hồi bảo quản đạt 190 triệu USD, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng tăng 30,3% so với cùng kỳ năm 2019. Tiêu thụ thủy sản tươi sống trong 9 tháng đầu năm 2021 của Hoa Kỳ đạt 645 triệu pound (292,6 nghìn tấn), tương đương lượng tiêu thụ cùng kỳ năm 2020, nhưng tăng 5,7% về doanh thu; tăng 22,8% về lượng và tăng 32,3% về doanh thu so với cùng kỳ năm 2019. Cá hồi là mặt hàng tiêu thụ lớn nhất, đạt 1,8 tỷ USD, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 28% so với cùng kỳ năm 2019. Tiếp theo là cua, tôm, tôm hùm và cá da trơn, không có sản phẩm nào vượt mốc 1 tỷ USD.

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, tháng 10/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt hơn 219 triệu USD, tăng 26,7% so với cùng kỳ năm 2020, và 38,6% so với tháng trước. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 10/2021, chiếm 53,9%, cá da trơn chiếm 19,1 và cá ngừ chiếm 14,8%.

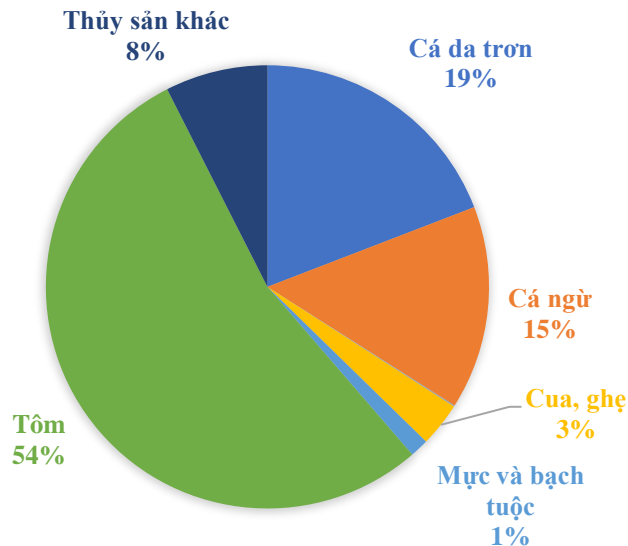
Hình 15. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính chung 10 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 1,65 tỷ USD, chiếm 23,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020.

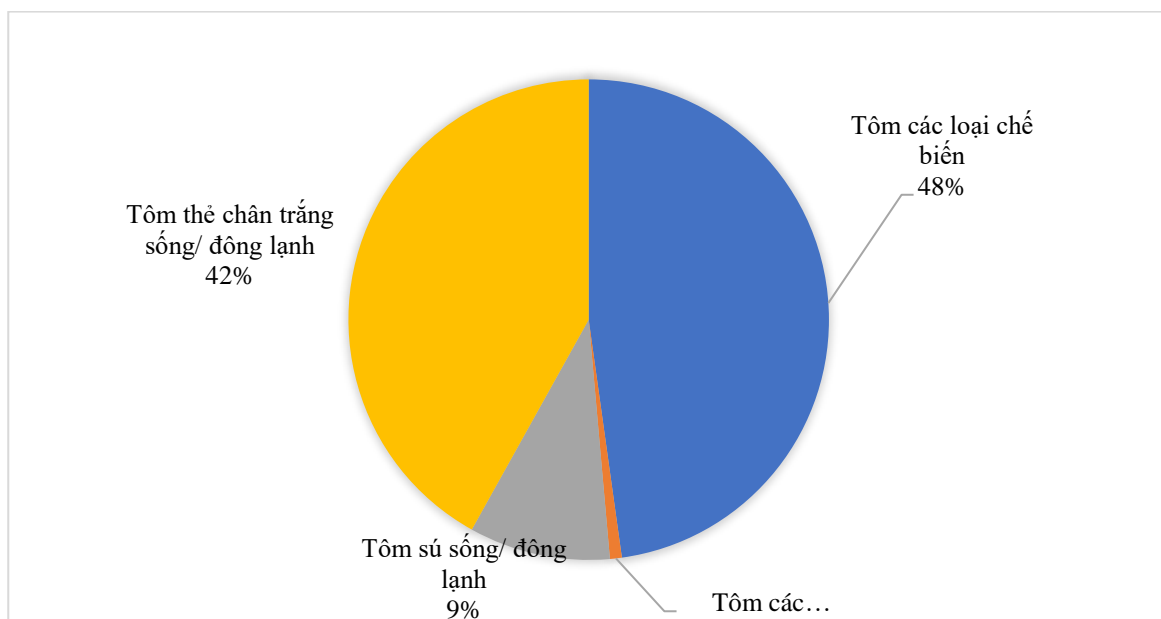
Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 10/2021, xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 49,4 triệu USD, chiếm 41,9% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, tăng 92% so với tháng 10/2020; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,9 triệu USD, chiếm 0,9%, tăng 68,5%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 11,2 triệu USD, chiếm 9,5%, tăng 98,3%; tôm chế biến các loại đạt 56,4 triệu USD, chiếm 47,8%, giảm 16,9%.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10 năm 2020/2021

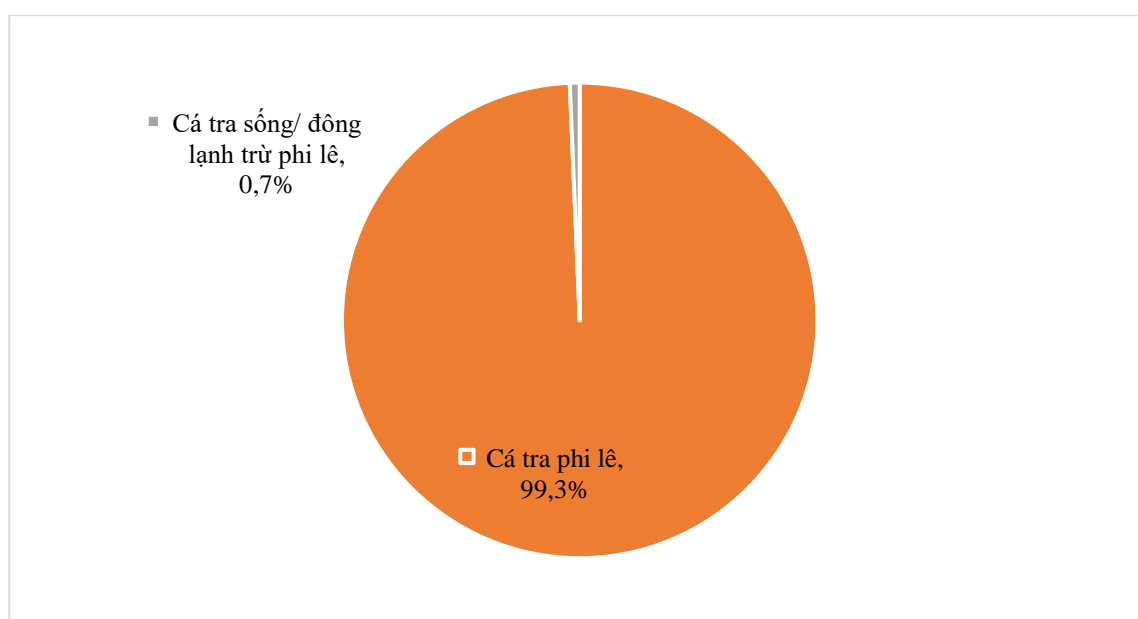


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 9/2021, xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 47,5 triệu USD, chiếm 48,8% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, tăng 80% so với tháng 9/2020; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,9 triệu USD, chiếm 0,9%, tăng 48%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 5,8 triệu USD, chiếm 6%, tăng 34,6%; tôm chế biến các loại đạt 43,2 triệu USD, chiếm 44,4%, giảm 27,7%.

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (tăng 74,8%), và tăng 83,9% so với tháng 9/2021. Giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 41,6 triệu USD, chiếm 99,3% tổng giá trị cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này, tăng 79,9% so với tháng 10/2020; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,3 triệu USD, chiếm 0,7%, giảm 65,9%.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 9 như sau: Cá ngừ đạt 32,5 triệu USD, tăng 22% so với tháng 10/2020; cua, ghẹ đạt 7 triệu USD, tăng 21,8%; mực bạch tuộc đạt 3 triệu USD, tăng 18,2%; và thủy sản khác đạt 16,4 triệu USD, tăng 10,2%.

Tháng 10, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 12,5 USD/kg, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2020; cá da trơn đạt 7,7 US\$D/kg tăng 165,6%. Cụ thể,

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,7	15,6%	22,6%
2	Cá ngừ	10,9	16,6%	0,4%

3	Cua, ghẹ	16,6	22,5%	-1,3%
4	Mực và bạch tuộc	16,3	30,6%	70,9%
5	Tôm	12,5	15,8%	5,0%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Ngày 24/01/2021, Hoa Kỳ tăng gấp đôi thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tôm xuất khẩu từ Ấn Độ. Đây là cơ hội lớn để nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần tôm của Việt Nam ở thị trường này. Theo công ty nghiên cứu NPD, triển vọng chi tiêu trong cả ngành bán lẻ và dịch vụ ăn uống tại Mỹ đều tăng mạnh trong mùa lễ hội này và đến năm 2022. Dự báo, nhu cầu tiêu thụ thủy sản của Mỹ tiếp tục tăng trưởng dương vào những tháng cuối năm. Ước tính, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tháng 11 chiếm tỷ trọng 27,5%, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2020. Doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động nguồn cung ứng nguyên liệu, đa dạng sản phẩm và đảm bảo chất lượng sản phẩm để tiếp tục nâng cao giá trị xuất khẩu sang thị trường này vào những tháng cuối năm.

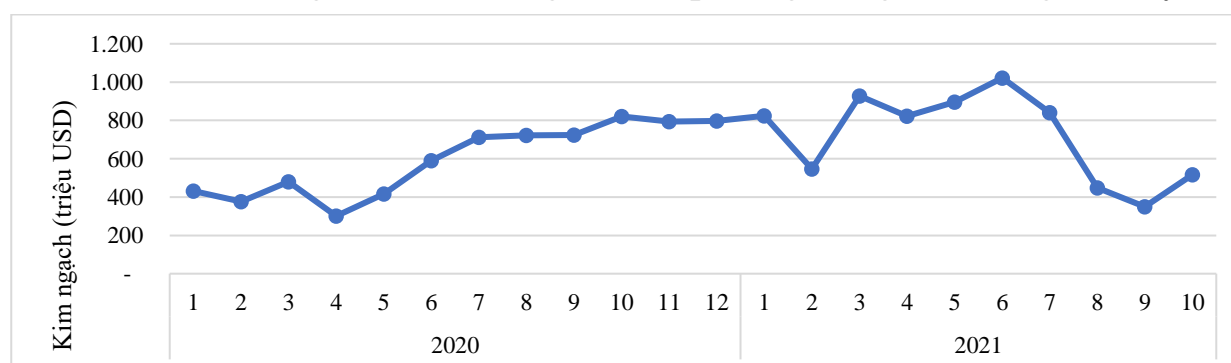
7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Nhập khẩu gỗ xẻ cứng nhiệt đới của Hoa Kỳ đã giảm mạnh 30% trong tháng 9/2021 ở mức 6.407 m³, là mức thấp nhất kể từ tháng 02/2021 và thấp hơn nhiều so với mức 12.000 m³ trong tháng 7/2021. Nhập khẩu từ Brazil đã giảm 73% trong khi nhập khẩu từ Ecuador và Ghana đã giảm 62%.

Nhập khẩu ván ép cứng của Hoa Kỳ đã giảm 7% trong tháng 9/2021 ở mức 305.281 m³ tăng 50% so với cùng kỳ năm 2020, lũy kế 9 tháng đầu năm 2021 tăng 34% so với cùng kỳ 2020. Trong khi nhập khẩu từ Malaysia, Indonesia, Trung Quốc và Ecuador đã giảm trong tháng 9/2021, nhập khẩu từ Việt Nam đã tăng 59% trong tháng 9/2021, đạt mức cao kỷ lục.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 516,2 triệu USD, tăng 47,6% so với tháng trước nhưng giảm 37,1% so với cùng kỳ năm 2020.

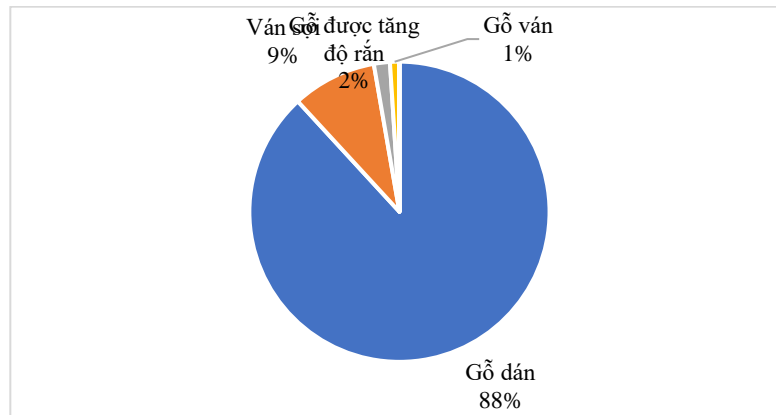
Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 69,0 triệu USD, chiếm 92,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 3,7 triệu USD, chiếm 5,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 1,1% và 0,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 20. Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 10/2021

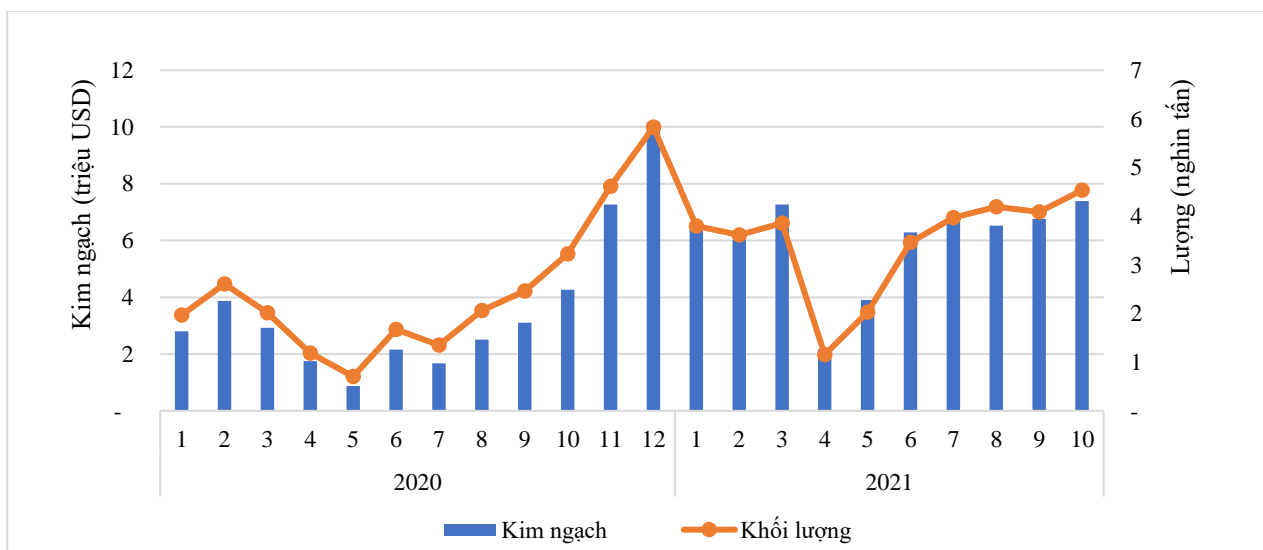


8. CAO SU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 10/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 4,5 nghìn tấn với trị giá 7,4 triệu USD, tăng 9,3% về khối lượng và 11,0% về giá trị so với tháng trước, và tăng 73,3% về khối lượng và 40,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

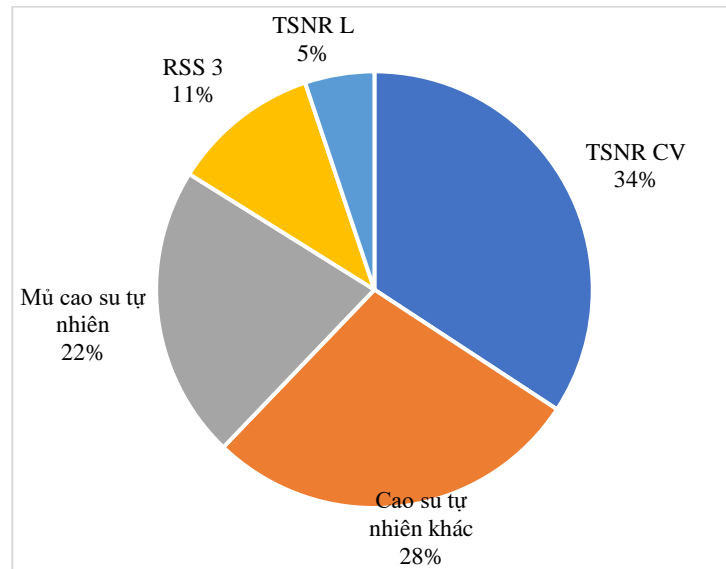
Hình 21. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2021, cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 2,5 triệu USD, chiếm 43,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 1,6 triệu USD, chiếm 21,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR L, chiếm lần lượt 11,0% và 5,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

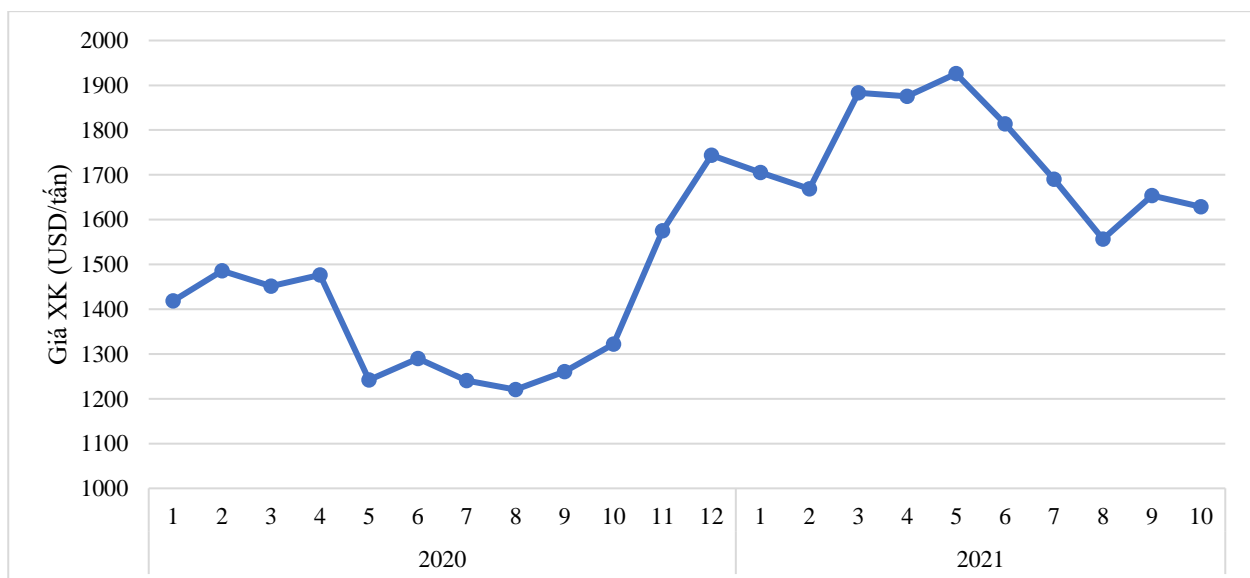
Hình 22. Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 10/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 10/2021 đạt mức 1.629 USD/tấn, giảm 1,5% so với tháng trước nhưng tăng 23,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 23. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Theo Tổ chức cà phê thế giới (ICO), tiêu thụ của khu vực Bắc Mỹ niên vụ 2020/2021 ước tính đạt 31,76 triệu bao, tăng 3,7% so với niên vụ 2019/2020. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dự báo, trong các tháng tới xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng. Nhu cầu tiêu thụ toàn cầu tăng, trong khi Việt Nam bước vào vụ thu hoạch cà phê niên vụ 2021/2022. Bên cạnh đó, các biện pháp giãn cách xã hội đang dần được nới lỏng, tạo thuận lợi cho việc thu hoạch và vận chuyển các mặt hàng, trong đó có cà phê. Tuy nhiên, sự xuất hiện biến chủng viruts Corona chủng mới đe dọa thị trường cà phê. Nhu cầu vận chuyển trên tuyến Châu Á - Bắc Mỹ được dự báo sẽ rất mạnh trước Tết Nguyên đán, khi các nhà nhập khẩu tranh giành chỗ cho các booking trong những tuần tới, khiến giá cước vận chuyển ở mức cao. Tình trạng tắc nghẽn tại các cảng Los Angeles/Long Beach và Savannah vẫn còn nghiêm trọng và dự kiến sẽ trở nên tồi tệ hơn ở Vancouver do lũ lụt gần đây. Một số hãng tàu đã áp dụng phụ phí tăng giá chung (GRI) từ giữa tháng 11; và dự kiến áp dụng tiếp vào đầu tháng 12.

2. Hồ tiêu

Những tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng nặng nề từ làn sóng Covid-19 khiến hoạt động xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam gặp khó khăn. Bên cạnh đó, giá xuất khẩu của Việt Nam tăng nhanh và mạnh khiến một số nước có xu hướng chuyển sang nhập khẩu hạt tiêu từ Bra-xin. Do đó, tốc độ nhập khẩu hạt tiêu của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng chung.

3. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, sự phục hồi của nền kinh tế Mỹ đang thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ đồ gỗ tại thị trường này, đặc biệt là thời điểm cuối năm. Tổng nhu cầu có thể đạt 100 tỷ USD vào năm 2021 trong bối cảnh nền kinh tế của đất nước được dự báo sẽ tăng trưởng 6-7%. Như vậy, cơ hội xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường Mỹ sẽ rất khả quan nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

4. Cao su

Kinh tế Hoa Kỳ đang dần hồi phục, nhu cầu cao su của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng cho tới năm 2023, nhờ gia tăng nhu cầu của các sản phẩm từ cao su. Nhu cầu tăng cùng với biến đổi khí hậu và đứt gãy chuỗi cung ứng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 là những vấn đề được ngành cao su và lốp xe cao su Hoa Kỳ quan tâm trong giai đoạn hiện nay. Dự báo xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hoa Kỳ sẽ còn tiếp tục tăng trong những tháng cuối năm 2021.

5. Thủy sản

Ngày 24/01/2021, Hoa Kỳ tăng gấp đôi thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tôm xuất khẩu từ Ấn Độ. Đây là cơ hội lớn để nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần tôm của Việt Nam ở thị trường này. Theo công ty nghiên cứu NPD, triển vọng chi tiêu

trong cả ngành bán lẻ và dịch vụ ăn uống tại Mỹ đều tăng mạnh trong mùa lễ hội này và đến năm 2022. Dự báo, nhu cầu tiêu thụ thủy sản của Mỹ tiếp tục tăng trưởng dương vào những tháng cuối năm. Ước tính, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tháng 11 chiếm tỷ trọng 27,5%, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2020. Doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động nguồn cung ứng nguyên liệu, đa dạng sản phẩm và đảm bảo chất lượng sản phẩm để tiếp tục nâng cao giá trị xuất khẩu sang thị trường này vào những tháng cuối năm.

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 10/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 10/2021 (USD)	Tăng/giảm so T9/2021	Tăng /giảm so T10/2020	Tỷ trọng T10/2021
1	Cà phê	25.378.570	-2,5%	60,3%	2,6%
2	Cao su	7.388.935	9,3%	73,3%	0,8%
3	Chè	1.330.061	72,5%	181,3%	0,1%
4	Gạo	1.478.657	87,3%	33,0%	0,2%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	516.227.736	47,6%	-37,1%	53,5%
6	Hàng rau quả	18.027.920	16,0%	23,9%	1,9%
7	Hàng thủy sản	218.972.661	38,6%	26,7%	22,7%
8	Hạt điều	103.363.239	2,3%	36,5%	10,7%
9	Hạt tiêu	17.724.532	25,0%	39,5%	1,8%
10	Mây tre đan	29.833.061	46,0%	21,5%	3,1%
11	SP từ cao su	23.101.824	-6,6%	-11,3%	2,4%
12	TĂGS &NL	2.102.878	-5,3%	-80,5%	0,2%
Tổng XK NLTS		964.950.074	34,0%	-18,2%	100%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 10/2021

Loại sản phẩm	Tháng 10/2020		Tháng 10/2021		So sánh T9.2021/T9.2020	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	905	708.645	1.394	1.272.588	54,0%	79,6%
Gạo nếp	60	47.160	102	80.212	68,7%	70,1%
Các loại gạo khác	628	355.827	189	125.857	-69,9%	-64,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 10/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 10/2020	Tháng 10/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T10.2021/ T10.2020
	Tổng giá trị XK	14.550.293	18.027.920	23,9%
1	Sầu riêng	3.080.834	2.678.908	-13,0%
2	Thanh long	983.549	2.566.064	160,9%
3	Dừa	1.157.795	2.083.716	80,0%
4	Nấm các loại	567.531	1.169.250	106,0%
5	Dứa	368.637	1.047.302	184,1%
6	Xoài	941.447	584.280	-37,9%
7	Nhãn	21.090	4.839	-77,1%
8	Vải	326.475	-	-100,0%
9	Khác	7.102.935	7.893.561	11,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 10/2021

Mặt hàng	T10/2020 (USD)	T10/2021 (USD)	So sánh T10/2020 và T10/2021	Tỷ trọng T10/2021
Chưa rang chưa khử cafein	24.073	19.855	-17,52%	78,24%
Đã rang chưa khử cafein	1.149	387	-66,30%	1,53%
Đã rang đã khử cafein	12	2	-80,61%	0,01%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	1.840	1.944	5,69%	7,66%
Chưa rang đã khử cafein	3.119	208	-93,32%	0,82%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	1.476	2.981	101,95%	11,75%
Tổng	31.670	25.379	-19,87%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 10/2021

Loại sản phẩm	Tháng 10/2020	Tháng 10/2021	So sánh
	(USD)	(USD)	T10.2021/ T10.2020
Cá da trơn	41.923.497,9	23.980.551,0	74,8%
Cá ngừ	32.508.015,0	26.636.528,6	22,0%
Cá rô phi	210.023,7	216.266,4	-2,9%
Cua, ghẹ	7.046.005,6	5.783.201,1	21,8%
Mực và bạch tuộc	2.974.244,0	1.083.992,0	174,4%
Tôm	117.944.086,6	99.762.995,8	18,2%
Thủy sản khác	16.366.788,3	15.375.023,1	6,5%
Tổng	218.972.661,0	172.838.558,0	26,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan